Sign In

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
Số: 14/2007/TT-BLĐTBXH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 30 tháng 8 năm 2007

THÔNG TƯ

HƯỚNG DẪN XẾP HẠNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ, TRƯỜNG TRUNG CẤP NGHỀ VÀ TRUNG TÂM DẠY NGHỀ CÔNG LẬP

Căn cứ Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; Quyết định số 181/2005/QĐ-TTg ngày 19 tháng 7 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ quy định về phân loại, xếp hạng các tổ chức sự nghiệp, dịch vụ công lập;

Sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Tài chính tại Công văn số 9467/BTC-HCSN ngày 17/07/2007 và của Bộ Nội vụ tại Công văn số 2183/BNV-TCBC ngày 30/7/2007, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn xếp hạng trường cao đẳng nghề, trường trung cấp nghề và trung tâm dạy nghề công lập như sau:

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Thông tư này hướng dẫn việc xếp hạng các trường cao đẳng nghề, trường trung cấp nghề và trung tâm dạy nghề công lập (sau đây gọi chung là cơ sở dạy nghề).

Thông tư này không áp dụng đối với trường cao đẳng nghề, trường trung cấp nghề và trung tâm dạy nghề tư thục hoặc có vốn đầu tư nước ngoài.

2. Mục đích xếp hạng cơ sở dạy nghề

Thống nhất mức phụ cấp chức vụ lãnh đạo của từng chức danh quản lý trong cơ sở dạy nghề.

3. Số hạng cơ sở dạy nghề

a) Trường cao đẳng nghề có 2 hạng: hạng I và hạng II, tương ứng với hạng ba, hạng bốn trong Quyết định số 181/2005/QĐ-TTg ngày 19/7/2005 của Thủ tướng Chính

phủ đối với các tổ chức sự nghiệp, dịch vụ công lập thuộc ngành giáo dục và đào tạo.

b) Trường trung cấp nghề có 3 hạng: hạng I, hạng II và hạng III, tương ứng với hạng bốn, hạng năm, hạng sáu trong Quyết định số 181/2005/QĐ-TTg ngày 19/7/2005 của Thủ tướng Chính phủ đối với các tổ chức sự nghiệp, dịch vụ công lập thuộc ngành giáo dục và đào tạo.

c) Trung tâm dạy nghề có 2 hạng: hạng I và hạng II, tương ứng với hạng sáu, hạng bảy trong Quyết định số 181/2005/QĐ-TTg ngày 19/7/2005 của Thủ tướng Chính phủ đối với các tổ chức sự nghiệp, dịch vụ công lập thuộc ngành giáo dục và đào tạo.

II. NGUYÊN TẮC XẾP HẠNG

1. Xếp hạng cơ sở dạy nghề được xác định trên cơ sở đánh giá thực trạng và tính điểm theo 4 nhóm tiêu chí như sau:

- Nhóm tiêu chí I: Quy mô đào tạo, số nghề đào tạo.
- Nhóm tiêu chí II: Cơ cấu tổ chức và đội ngũ cán bộ, giáo viên.
- Nhóm tiêu chí III: Cơ sở vật chất, thiết bị và chương trình, giáo trình, phương tiện dạy học.
- Nhóm tiêu chí IV: Hiệu quả sử dụng các nguồn lực và kết quả hoạt động.

2. Hạng của cơ sở dạy nghề được xác định trên cơ sở tổng số điểm đạt được theo 4 nhóm tiêu chí quy định trên.

3. Tất cả các cơ sở dạy nghề đã xếp hạng và chưa xếp hạng đều thực hiện xếp hạng, xếp hạng lại theo quy định của Thông tư này.

III. XẾP HẠNG

1. Thang điểm đánh giá xếp hạng cơ sở dạy nghề là 100 điểm.

2. Xếp hạng cơ sở dạy nghề:

a) Trường cao đẳng nghề

- Hạng I: đạt số điểm từ 86 điểm trở lên.
- Hạng II: đạt số điểm dưới 86 điểm.

(Tiêu chí và bảng điểm đánh giá xếp hạng theo phụ lục 1)

b) Trường trung cấp nghề

- Hạng I: đạt số điểm từ 86 điểm trở lên.

- Hạng II: đạt số điểm từ 71 điểm đến dưới 86 điểm.

- Hạng III: đạt số điểm dưới 71 điểm.

(Tiêu chí và bảng điểm đánh giá xếp hạng theo phụ lục 2)

c) Trung tâm dạy nghề

- Hạng I: đạt số điểm từ 86 điểm trở lên.

- Hạng II: đạt số điểm dưới 86 điểm.

(Tiêu chí và bảng điểm đánh giá xếp hạng theo phụ lục 3)

IV. MỨC PHỤ CẤP CHỨC VỤ LÃNH ĐẠO

Phụ cấp chức vụ lãnh đạo các cơ sở dạy nghề được xếp theo hạng của cơ sở dạy nghề và quy định như sau:

TT	Cơ sở dạy nghề	Chức danh lãnh đạo	Hệ số phụ cấp	Ghi chú
1	Trường cao đẳng nghề	- Hiệu trưởng: + Trường hạng I + Trường hạng II - Phó Hiệu trưởng: + Trường hạng I + Trường hạng II	 0,90 0,80 0,70 0,60	
		- Trưởng khoa, phòng, ban, trung tâm, bộ môn trực thuộc trường và tương đương.	0,45	Áp dụng chung cho tất cả các trường cao đẳng nghề hạng I và hạng II
		- Phó trưởng khoa, phòng, ban, trung tâm, bộ môn trực thuộc trường và tương đương.	0,35	
		- Các chức danh lãnh đạo trực thuộc		